

KẾ HOẠCH

Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Văn Quan

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 07/KH-SYT ngày 10/01/2024 của Sở Y tế thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Văn Quan về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Văn Quan, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Hạ xuống mức thấp nhất các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện.

Chỉ tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện giảm 1% so với năm 2023 (giảm từ 20,2% xuống 19,2%).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện giảm 0,5% đến 1% so với năm 2023.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng học đường từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện giảm 1% so với năm 2023 (giảm từ 13,2% xuống 12,2%).

2.2. Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện

Chỉ tiêu cụ thể:

- Trên 60% trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát

nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện được cấp viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

2.3. Mục tiêu 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện.

Chỉ tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện ăn bổ sung đúng, đủ đạt 40%.

- Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện, đạt trên 80%.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện.
- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình.
- Các cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

2. Phạm vi

Thực hiện trên phạm vi toàn huyện, chú trọng ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hoạt động can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi

1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE, ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành. Cụ thể:

- Tổ chức sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi theo định kỳ tương ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi định kỳ 3 tháng/lần, trẻ suy dinh dưỡng dưới 2 tuổi hàng tháng.

- Tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời.

1.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng

Trung tâm Y tế huyện rà soát lại hiện trạng, nguồn cung ứng và nguồn hỗ trợ khác nếu có, xây dựng kế hoạch và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý các sản phẩm vi chất dinh dưỡng theo các nhóm đối tượng dưới đây:

1.2.1. Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi.

1.2.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi: bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo bảng tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất dinh dưỡng đó cho cùng đối tượng.

1.2.3. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng: căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt (hàng tuần). Bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo các bảng tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

1.2.4. Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt: Bổ sung tối thiểu vi chất sắt theo bảng tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

1.2.5. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai: Căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt/folic (hàng ngày). Bổ sung tối thiểu các vi chất dinh dưỡng theo các bảng tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế. Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

Lưu ý:

- Trước khi sử dụng sản phẩm, cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, tham khảo tư vấn của cán bộ y tế để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

- Việc bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em hoặc phụ nữ cần được thực hiện với sự theo dõi, giám sát chặt chẽ của cán bộ y tế.

1.3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng

- Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn thuộc, trực thuộc Bộ Y tế. Bao gồm các hoạt động: tổ chức khám sàng lọc để phát hiện trẻ và đưa vào chương trình; quản lý và điều trị trẻ bị SDD cấp tính nặng tại cộng đồng; tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh

dưỡng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ/người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

1.4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai

- Số lượng cấp phát: trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 6 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng.

1.5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em

- Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: theo nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Hàng năm, cần xây dựng được kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của địa phương.

- Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

1.6. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế xã, thị trấn, thôn bản

Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.7. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh

- Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành y tế và giáo dục.

- Ngành giáo dục phối hợp cùng ngành y tế, lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn

thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.8. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học

- Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành y tế và giáo dục (Thông tư 23/2017/TT-BYT ngày 15/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo Quyết định 3822/QĐ- BGDDT ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản cập nhật nếu có).

- Ngành giáo dục phối hợp cùng ngành y tế, lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

1.9. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hàng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn huyện, xã đặc biệt khó khăn

- Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (Tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ...). Đối tượng phỏng vấn bao gồm cả đối tượng thụ hưởng chương trình và các đối tượng có tham gia chương trình hoặc ảnh hưởng đến đối tượng thụ hưởng.

1.10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng

Địa phương rà soát lại hiện trạng và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý.

1.11. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em

- Hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng các tuyến (huyện, xã và thôn bản) về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Hướng dẫn, tập huấn cho y tế **học đường** và giáo viên trường học trên địa

bàn huyện, để hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã, nhân viên y tế thôn bản, y tế **học đường**, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi.

- Hàng năm, dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn theo phương thức giảng viên, cán bộ tuyến tỉnh tập huấn cho tuyến huyện, xã, thôn bản, cán bộ tuyến huyện tập huấn cho tuyến xã, thôn, bản.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng, đoạn băng hình, internet-mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương, và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm.

3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

- Đơn vị tuyến huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá cho các xã can thiệp. Hàng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

(Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư hướng dẫn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Sử dụng nguồn kinh phí được giao tại Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Văn Quan về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

2. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 và các quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế huyện

- Căn cứ Kế hoạch của ngành, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND huyện, xây dựng kế hoạch hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em năm 2024 phù hợp với nguồn kinh phí được phân bổ. Lòng ghép việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến cải thiện dinh dưỡng tại địa phương, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá kết quả hàng năm theo nội dung kế hoạch; Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hàng năm của trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện.

- Tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí quy định.

- Tổ chức các hoạt động khám, tư vấn chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời đối với phụ nữ có thai đến khám, phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các Trạm Y tế tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động có liên quan đến cải thiện dinh dưỡng tại địa phương như: phát hiện điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế; tăng cường công tác tư vấn cho cha/mẹ cách chăm sóc dinh dưỡng khi trẻ ốm; tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ/người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Y tế...).

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện, về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trước **ngày 20/11/2024** hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc huyện

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng; tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án đang thực hiện với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024; tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh.

- Chỉ đạo các Trường học trực thuộc triển khai thực hiện các hoạt động tại trường học (bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng).

- Phối hợp với ngành y tế tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, quản lý căng tin trường học,

tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, đồ uống có đường và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học và bên cạnh trường học theo quy định.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

Chỉ đạo triển khai bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm hộ gia đình đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng tại các xã, xã đặc biệt khó khăn. Lồng ghép mục tiêu dinh dưỡng vào các chính sách về thực phẩm và nông nghiệp trong các chương trình đang thực hiện như: chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024. Lồng ghép các hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong Kế hoạch quốc gia chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với thiên tai để sẵn sàng cung cấp thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh, ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn.

5. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch năm 2024 triển khai thực hiện tại địa phương, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách của địa phương đối ứng và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng”.

- Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hằng năm của trẻ em dưới 16 tuổi tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Đưa các chỉ tiêu cải thiện dinh dưỡng đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động theo định kỳ, đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Văn Quan. Yêu cầu các phòng, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng: LĐ,TB,XH-DT, GD&ĐT, NN&PTNT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TTYT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Triệu Đức Dũng